

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2022/HS-ST

Ngày 07-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quàng Văn Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Bà Nguyễn Thị Hời

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Mùa A Hay, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La và điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm trực tuyến, công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2022/HSST ngày 12 tháng 8 năm 2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mùa A C**; Sinh ngày 05/3/1998 tại xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông: Mùa Ca D; Sinh năm 1979 và bà Giàng Thị T; Sinh năm 1980; Bị cáo có vợ là Vàng Thị L; sinh năm 1999 và có 03, con lớn nhất 05 tuổi, con nhỏ nhất 01 tuổi, hiện nay đều cư trú tại bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 27/5/2022 đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Mùa A C: Ông Cầm Trọng Thủy - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Vắng mặt có do xin vắng mặt, đã gửi Luận cứ bào chữa, bị cáo đồng ý vắng mặt người bào chữa.

Người bị hại:

Ông Mùa A S; Sinh năm 1967; Địa chỉ: Bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Ông Mùa A D; Sinh năm 1981; Địa chỉ: Bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn

La. Có mặt.

Người làm chứng: Ông Giàng A V, sinh năm 1976; Địa chỉ: Bản X, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS-BY ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, truy tố bị cáo Mùa A C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Khoảng 16 giờ ngày 18/4/2022, Mùa A C đi tìm bò của gia đình ở bản H, xã H, huyện B, khi đến khu ruộng của gia đình ông Mùa Sồng C ở bản H, xã H thấy một đàn trâu khoảng 20 con không biết của gia đình nào đang ăn cỏ, quan sát xung quanh không có người chăn dắt, C nảy sinh ý định trộm 02 con trâu bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, C lấy 02 đoạn dây thừng đã mang đi làm thành thòng lọng rồi móc vào hai sừng của 01 con trâu đực và 01 con trâu cái rồi dắt bộ theo đường đi nương của dân bản đến đầu đường vào đập thủy điện N 1A thuộc địa phận bản T, xã X, huyện B, C buộc 02 con trâu tại gốc cây cạnh đường. Sau đó, C gọi điện thoại cho ông Giàng A V là người C biết chuyên buôn bán trâu bò và nói dối tên D ở H muốn bán trâu và hẹn ông V đến mua trâu nhưng ông V bảo trời đã tối, hẹn sáng hôm sau mới đến xem trâu, do đó C ngủ lại tại đây. Sau khi nghe xong điện thoại, ông V nghi 02 con trâu là do C trộm cắp nên đã gọi điện cho ông Mùa A S, trú tại bản H, xã H hẹn đi cùng để xem có phải trâu người tên D ở H không. Khoảng 05 giờ sáng ngày 19/4/2022, C tiếp tục gọi điện thoại cho ông V để giục ông V đến mua trâu. Đến khoảng 08 giờ sáng cùng ngày, ông V đi xe máy cùng ông Thảo A T và ông Mùa A C1 cùng trú tại xã X, huyện B đến nơi hẹn V xem trâu và trả giá 34.000.000 đồng (Ba mươi tư triệu đồng), C không đồng ý và muốn bán 02 con trâu với giá 34.500.000 đồng (Ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng), ông V và C tiếp tục trả giá cho nhau, khoảng 30 phút sau thì ông Mùa A S đi xe máy xuống. Mùa A C nhìn thấy có Mùa A S, là người cùng bản, do sợ ông S phát hiện ra 02 con trâu bị C lấy trộm, C bỏ chạy đi vào rừng. Ông Mùa A S nhìn thấy 02 con trâu đang được C buộc bằng dây thừng ở gốc cây cạnh đường, có 01 con trâu đực là con trâu của mình, con trâu cái còn lại là của ông Mùa A D, trú tại bản H xã H, huyện B. Sau đó ông Sai dắt 02 con trâu về nhà và báo lại với ông D rồi cùng đến Công an xã H trình báo vụ việc gia đình bị mất 02 con trâu.

Vật chứng thu giữ:

- Tạm giữ 01 con trâu đực, lông màu đen, khoảng 03 năm tuổi, sừng dài 20cm, chiều cao 115cm, chiều dài từ đỉnh đầu đến đuôi 175cm, chu vi vòng ngực 175cm, chu vi vòng bụng 198cm của ông Mùa A S.

- Tạm giữ 01 con trâu cái khoảng 10 năm tuổi, lông màu đen, chiều cao 119cm, chiều dài đỉnh đầu đến đuôi 180cm, chu vi vòng ngực 170cm, vòng bụng 220cm, chiều dài sừng 53cm của ông Mùa A D.

- Thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, số IMEL 1: 863403037682350, số IMEL 2: 863403037682343 bên trong lắp 01 sim Viettel, số Seri 898404800033433 có số thuê bao: 0337.668.307 của Mùa A C.

- Thu giữ 01 dây thừng màu trắng loại 04 dây cuộn xoắn lại với nhau dài 3,95m, đường kính 0,5cm, một đầu dây buộc thắt nút, đầu còn lại buộc nối thành thòng lọng dạng hình tròn, dây thừng đã qua sử dụng.

- Thu giữ 01 dây thừng màu trắng loại 04 dây cuộn xoắn lại với nhau dài 3,2m, đường kính 0,5cm, một đầu dây buộc thắt nút, đầu còn lại buộc nối thành thòng lọng dạng hình tròn, dây thừng đã qua sử dụng.

Tại kết luận kết luận định giá tài sản số 281/KL-HĐĐG ngày 07/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Yên kết luận 01 con trâu cái trị giá 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng), 01 con trâu đực trị giá 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng), tổng cộng 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

Ngày 28/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại cho ông Mùa A S 01 con trâu đực và trả lại cho ông Mùa A D 01 con trâu cái.

Đối với ông Giàng A V, quá trình trao đổi mua bán 02 con trâu với Mùa A C, ông V không biết 02 con trâu do Mùa A C trộm cắp. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với Giàng A V.

Ngày 31/5/2022 bị hại ông Mùa A S, ông Mùa A D có đơn yêu cầu Mùa A C bồi thường mỗi người số tiền 10.000.000 đồng bao gồm tiền công đi lại, tiền xăng xe, tiền ăn uống truy tìm trâu, đến nay Mùa A C chưa bồi thường cho ông Mùa A S và ông Mùa A D số tiền trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa công khai, bị cáo Mùa A C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Mùa A C đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2, Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Mùa A C mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại cho ông Mùa A S 01 con trâu đực và trả lại cho ông Mùa A D 01 con trâu cái. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của Mùa A C. Tịch thu tiêu hủy 02 dây thừng màu trắng, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại tại phiên tòa. Bị cáo Mùa A C bồi thường tiền công đi lại truy tìm trâu cho ông Mùa A S và ông Mùa A D mỗi người 3.000.000. đồng.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho bị cáo Mùa A C.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại Luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Mùa A C khẳng định bị cáo bị khởi tố, truy tố, xét xử về tội Trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Song đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của Đảng, pháp luật Nhà nước và một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì sau khi phạm tội bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc diện hộ nghèo, hoàn cảnh khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Mùa A C mức án thấp nhất trong khung hình phạt là 24 tháng tù; những vấn đề khác theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Ý kiến của bị cáo Mùa A C tự bào chữa: bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội. Về việc bồi thường tiền công truy tìm trâu cho ông Mùa A S và ông Mùa A D, bị cáo nhất trí theo sự thỏa thuận với các bị hại tại phiên tòa, bị cáo sẽ bồi thường cho mỗi bị hại số tiền là 3.000.000. đồng. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO thu giữ của bị cáo là chiếc điện thoại bị cáo đã sử dụng để liên lạc với ông Giàng A V để tiêu thụ 02 con trâu trộm cắp được, thì cho bị cáo xin lại để sử dụng. Còn đối với 02 dây thừng bị cáo sử dụng để buộc trâu, bị cáo nhất trí với ý kiến đại diện Viện kiểm sát tịch thu tiêu hủy.

Người bị hại, ông Mùa A S và ông Mùa A D trình bày ý kiến tranh luận: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Bị hại đã nhận lại được tài sản là con trâu bị mất, yêu cầu bị cáo bồi thường tiền công truy tìm con trâu cho mỗi người 3.000.000 đồng theo như thỏa thuận tại phiên tòa. Về hình phạt đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và xin được miễn tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Mùa A C thừa nhận: Lợi dụng sự sơ hở trong việc chăn thả gia súc của chủ sở hữu, khoảng 16 giờ ngày 18/4/2022, bị cáo Mùa A C đã lén lút, dắt trộm lấy 02 con trâu, gồm 01 trâu đực của ông Mùa A S và 01 con trâu cái của ông Mùa A D ở khu ruộng của gia đình ông Mùa Sông Cở ở bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La với mục đích bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau khi trộm cắp được 02 con trâu, Mùa A C đang liên hệ để bán trâu cho ông Giàng A V thì bị phát hiện.

Tại kết luận kết luận định giá tài sản số 281/KL-HĐĐG ngày 07/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Yên kết luận 01 con trâu cái trị giá 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng), 01 con trâu đực trị giá 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng), tổng cộng 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra được chứng minh như sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại...

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Mùa A C đã thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, tội danh quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm... c. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ hiểu biết để nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình làm là nguy hiểm cho xã hội và bản thân nhưng vì hám lợi bất chính nên bị cáo đã thực hiện tội phạm. Hành vi trên của bị

cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức và am hiểu pháp luật còn nhiều hạn chế.

[5] Về hình phạt chính: Tòa cần xem xét cân nhắc xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm và nhân thân của bị cáo. Việc cách ly bị cáo một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có thể đảm bảo được điều kiện và thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời nhằm dẫn dắt, giáo dục chung, đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “ *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo thuộc hộ nghèo, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị lớn. Vì vậy Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo và các bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bị cáo bồi thường tiền công truy tìm cho ông Mùa A S và ông Mùa A D mỗi người 3.000.000 đồng. Xét thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, phù hợp với pháp luật, nên Tòa cần chấp nhận. Theo quy định tại các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015.

[8] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 con trâu đực, lông màu đen, khoảng 03 năm tuổi là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị hại là ông Mùa A S; 01 con trâu cái khoảng 10 năm tuổi, lông màu đen là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị hại là ông Mùa A D. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Yên đã thu giữ và giao trả cho người bị hại là đúng quy định của pháp luật, Tòa cần chấp nhận.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, số IMEL 1: 863403037682350, số IMEL 2: 863403037682343 bên trong lắp 01 sim Viettel, có số thuê bao: 0337.668.307, là của bị cáo Mùa A C, bị cáo đã sử dụng làm phương tiện để liên lạc thực hiện tội phạm, Tòa cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 02 dây thừng màu trắng, của bị cáo Mùa A C đã sử dụng làm công cụ để thực hiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì bị cáo Mùa A C là người dân tộc thiểu số sinh sống tại bản H xã H huyện B, tỉnh Sơn La là bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Gia đình bị cáo Mùa A C là hộ nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy Tòa cần xem xét miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Mùa A C phạm Tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Mùa A C 28 (Hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2022.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Mùa A C.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015. Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại tại phiên tòa như sau:

- Buộc bị cáo Mùa A C phải bồi thường tiền công đi lại truy tìm trâu và dắt trâu về cho ông Mùa A S số tiền 3.000.000. đồng (Ba triệu đồng).

- Buộc bị cáo Mùa A C phải bồi thường tiền công đi lại truy tìm trâu và dắt trâu về cho ông Mùa A D số tiền 3.000.000. đồng (Ba triệu đồng).

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu giữ và giao trả cho ông Mùa A S 01 con trâu đực và trả lại cho ông Mùa A D 01 con trâu cái.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của Mùa A C.

- Tịch thu tiêu hủy 02 dây thừng màu trắng, đã qua sử dụng.

(Chi tiết theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản của vụ án giữa Công an huyện Bắc Yên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Yên ngày 12/8/2022).

4. Về Án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Mùa A C.

Báo cho bị cáo, người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quy định chung của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Sơn La;
- VKSND-B;
- Công an-B;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người bị hại;
- Trại giam-Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS-B;
- THA.Hình sự;
- Lưu hồ sơ - Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Quàng Văn Thủy